

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2022/DS-ST

Ngày 29 – 4 – 2022

V/v tranh chấp HĐMB tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Hoài Ân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thanh Liêm

2. Ông Trịnh Anh Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Như – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 29 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 76/2022/TLST-DS, ngày 04 tháng 3 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2022/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1973; Địa chỉ: đường Mậu T, khóm 6, phường A, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Phạm Cẩm T, sinh năm 1983; Địa chỉ: đường Mậu T, khóm 6, phường A, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị C (nguyên đơn) trình bày:

Chị làm nghề buôn bán thịt heo còn chị Phạm Cẩm T kinh doanh quán ăn nên giữa hai bên có mua bán thịt heo qua lại với nhau và chị T có nợ tiền mua thịt heo của chị tính đến ngày 01/12/2020 (âm lịch) hai bên chốt nợ, chị T có viết giấy nhận nợ với số tiền 40.000.000 đồng nhưng trong giấy nhận nợ ghi nhầm là năm 2021. Sau đó, chị T vẫn tiếp tục lấy thịt heo của chị và ngay dịp tết nguyên đán năm 2021, chị T lấy số lượng thịt nhiều nên hai bên chốt lại số tiền chị T nợ từ ngày 01/12/2020 đến ngày 04/01/2021 (âm lịch) là 20.000.000 đồng, chị T có ký vào giấy nhận nợ. Tổng hai khoản, chị T còn nợ chị là 60.000.000 đồng – đây là tiền nợ từ việc mua bán thịt heo không phải tiền vay, tiền góp như chị T trình bày. Từ khi hai bên chốt nợ đến nay, chị

T chưa trả cho chị số tiền trên, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị T trả một lần hết số tiền nợ 60.000.000 đồng, chị không yêu cầu tính lãi.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, chị Phạm Cẩm T (bị đơn) trình bày:

Chị thừa nhận có mua thịt heo từ chị C nhiều lần và chữ ký, họ tên chị được ghi trong hai giấy nhận nợ mà chị C cung cấp là của chị ký và viết ra. Tuy nhiên, chị chỉ thừa nhận nợ tiền thịt là 40.000.000 đồng còn 20.000.000 đồng là tiền lãi bởi do tình hình dịch bệnh kéo dài, đường lộ nơi chị buôn bán đang làm nên chị không buôn bán được từ đó giữa chị với chị C mới gặp nhau đối chiếu nợ và thỏa thuận trong số tiền nợ 40.000.000 đồng chia ra làm hai phần: Phần 20.000.000 đồng chị sẽ góp mỗi ngày cho chị C là 400.000 đồng cho đến khi dứt nợ, chị đã góp đến ngày 13/02/2021 (âm lịch) thì ngưng cho đến nay nhưng chị không nhớ thời gian bắt đầu góp là khi nào và việc góp tiền cũng không làm biên nhận hay sổ sách để theo dõi. Phần 20.000.000 đồng còn lại, hai bên thỏa thuận chuyển sang nợ vay, trả lãi hàng tháng, mỗi tháng trả 2.000.000 đồng nhưng phần này chị chưa trả vốn, lãi cho chị C. Nay chị chỉ thừa nhận nợ và đồng ý trả số tiền nợ là 40.000.000 đồng, không trả lãi nhưng xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết số tiền nợ trên. Đối với số tiền góp đã trả, chị không đặt ra yêu cầu Tòa án điều chỉnh lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Tranh chấp giữa nguyên đơn, bị đơn được xác định là tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản, cụ thể là mua bán thịt heo. Nguyên đơn cho rằng, bị đơn mua thịt heo của nguyên đơn nhiều lần và hiện còn nợ số tiền 60.000.000 đồng tính từ ngày 01/12/2020 (âm lịch) đến nay chưa trả, bị đơn cũng thừa nhận có việc mua thịt của nguyên đơn nhiều lần nhưng chỉ nợ nguyên đơn số tiền 40.000.000 đồng còn 20.000.000 đồng là tiền lãi nên chỉ đồng ý trả số tiền 40.000.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng, từ đó các đương sự xảy ra tranh chấp.

[2] Xét nội dung tranh chấp, Hội đồng xét xử thấy rằng việc mua bán thịt giữa các đương sự tuy không làm hợp đồng nhưng các đương sự đều thừa nhận thực tế có xảy ra, bị đơn có viết giấy nhận nợ cho nguyên đơn hai lần vào các ngày 01/12/2020, 04/01/2021 (âm lịch) và hiện bị đơn còn nợ tiền của nguyên đơn đến nay chưa trả là sự thật nên không phải chứng minh. Mặc dù, các đương sự không thống nhất với nhau số tiền còn nợ và phương thức thanh toán nợ nhưng bị đơn thừa nhận chữ ký, họ tên của bị đơn được ghi trong hai biên nhận nêu trên là do bị đơn ký và viết ra, bị đơn cho rằng biên nhận ngày 04/01/2021 là biên nhận nợ tiền lãi còn biên nhận nợ với số tiền 40.000.000 đồng hai bên đã thỏa thuận chia ra làm hai phần, cụ thể: 20.000.000 đồng sẽ trả góp hàng ngày, mỗi ngày 400.000 đồng và số tiền 20.000.000 đồng còn lại sẽ chuyển sang nợ vay. Tuy nhiên, bị đơn không đưa ra được bất kỳ tài liệu, chứng cứ để chứng minh vấn đề thỏa thuận nêu trên, không chứng minh được số tiền 20.000.000 đồng được ghi trong giấy nhận nợ vào ngày 04/01/2021 là tiền lãi cũng không cung cấp được chứng cứ thể hiện việc trả góp cho nguyên đơn trong khi, nguyên đơn không thừa nhận việc này. Hơn nữa, tại thời điểm ký tên vào các biên nhận trên chưa có Cơ

quan y tế có thẩm quyền hoặc Tòa án kết luận bị đơn là người bị mất hay hạn chế năng lực hành vi dân sự nên bị đơn phải chịu trách nhiệm pháp lý đối với việc ký tên của mình trong hai biên nhận nêu trên. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, được chấp nhận

[3] Về thời gian thanh toán, giữa các đương sự không thỏa thuận được với nhau nhưng Hội đồng xét xử thấy rằng, việc thanh toán thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan thi hành án sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nên không đề cập xem xét trong vụ án.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, bị đơn phải chịu theo quy định.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 430, 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị C.

Buộc chị Phạm Cẩm T trả cho chị Nguyễn Thị C số tiền là 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày chị C có đơn yêu cầu thi hành án, chị T không tự nguyện thi hành xong thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Chị Phạm Cẩm T phải chịu số tiền là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng, chưa nộp).

Chị Nguyễn Thị C không phải chịu. Ngày 03/3/2022, chị C đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000965 được trả lại toàn bộ cho chị C.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lâm Hoài Ân